

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

NGÀNH: KINH TẾ QUỐC TẾ MÃ SỐ: 8310106

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2147/QĐ-ĐHKT ngày 23/6/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
- + Tiếng Anh: International Economics
- Mã số ngành đào tạo: 8310106
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế quốc tế
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in International Economics
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng ứng dụng trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, nhằm phát triển kỹ năng lãnh đạo quản lý và tư duy, rèn luyện khả năng xử lý các tình huống thực tiễn trong công việc; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo trong các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cũng như có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu để tác nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics; nâng cao kỹ năng lãnh đạo quản lý và tư duy, rèn luyện khả năng xử lý các tình huống thực tiễn cũng

như ứng dụng và phát huy có hiệu quả kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế vào việc thực hiện các công việc cụ thể như phân tích, tư vấn chính sách; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics, phù hợp với điều kiện thực tế tại các các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có thể học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn nếu có ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển (bao gồm đánh giá hồ sơ và phỏng vấn)

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

- Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức

Có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Kinh tế quốc tế; Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển được dự thi ngay.

- Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành kinh tế quốc tế được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.2.3. Điều kiện thâm niên công tác

Các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng không yêu cầu kinh nghiệm công tác.

3.3. Danh mục ngành phù hợp

Danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức: Kinh tế quốc tế; Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển.

Danh mục ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức: Quản trị kinh doanh,

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Thông kê kinh tế; Kinh tế du lịch; Thương mại điện tử; Quản lý dự án; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế công nghiệp; Kinh doanh thời trang và dệt may; Quản lý công; Quản lý công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế vận tải; Kinh tế gia đình; Luật Kinh tế; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế quốc tế	3
2	Kinh doanh quốc tế	3
3	Thương mại quốc tế	3
4	Đầu tư quốc tế	3
5	Tài chính quốc tế	3
Tổng cộng		15

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh: Theo phân bổ chỉ tiêu hàng năm của Trường

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Vận dụng phương pháp luận và tư duy biện chứng trong triết học Mác Lê nin vào việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng.

PLO2: Vận dụng kiến thức kiến thức cơ sở ngành kinh tế quốc tế để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế để lập kế hoạch, tham gia đàm phán và tổ chức thực hiện các dự án kinh doanh trong lĩnh vực thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu.

PLO4: Vận dụng kiến thức thực tập thực tế để tổ chức, quản lý hoặc tham gia thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

PLO5: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý tình huống các công việc trong công việc một cách khoa học

PLO6: Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực kinh tế quốc tế với đồng nghiệp và với đối tác.

PLO7: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động kinh tế và kinh doanh quốc tế.

PLO8: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin một cách sáng tạo; Trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO9: Đam mê với công việc và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong các điều kiện khác nhau.

PLO10: Nghiên cứu, phát hiện vấn đề, cũng như đề xuất những sáng kiến có giá trị trong quá trình thực thi công việc trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

PLO11: Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa và cạnh tranh cao

PLO12: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

Nhóm 1- Giảng viên, nghiên cứu viên hoặc chuyên viên tại các cơ quan chính phủ: Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu. Có năng lực phân tích, tư vấn chính sách tại các Bộ, Ngành, địa phương trong cả nước.

Nhóm 2- Nhà quản lí hoặc chuyên viên tư vấn và triển khai dự án quốc tế: Có năng lực tham gia quản lí hoặc tư vấn, tổ chức triển khai các dự án quốc tế tại các tổ chức quốc tế như UN, IMF, WB, ADB,...và các tổ chức phi chính phủ.

Nhóm 3- Nhà quản lí hoặc chuyên viên tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước: Có đủ năng lực để đảm nhận các công việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án kinh doanh cũng như tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics, tại các doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài.

6. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **65 tín chỉ**

Trong đó:

Khối kiến thức chung: **9 tín chỉ**

Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **41 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **23 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **18/42 tín chỉ**

Thực tập thực tế và tốt nghiệp: **15 tín chỉ**

2. Khung chương trình

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		9				
1.	PHI5003	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2.	ENG5002	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	50	5	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		41				
II.1	Các học phần bắt buộc		23				
3.	INE6037	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Trade</i>	3	30	15	0	
4.	BSA6022	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	
5.	INE6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Investment: Policies and Practices</i>	3	30	15	0	
6.	INE6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>International Business: Challenges of the Global Competition</i>	3	30	15	0	
7.	INE6134	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng <i>Supply chain: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
8.	INE6135	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng	3	30	15	0	

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
		<i>E-Commerce: Theory and Applications</i>					
9.	INE6011	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển <i>Transnational Corporation: Technology transfer and Development</i>	2	20	10	0	
10.	INE6038	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế: Lý thuyết và thực tiễn <i>Negotiating in International Business: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
II.2	Các học phần tự chọn		18/42				
11.	INE6041	Kinh doanh logistics toàn cầu <i>Global logistic business</i>	3	30	15	0	
12.	INE6040	Kinh doanh thương mại quốc tế <i>International commercial business</i>	3	30	15	0	
13.	INE6128	Toàn cầu hóa và hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>Globalization and International Economic integration of Vietnam</i>	3	30	15	0	
14.	INE6104	Kinh tế thế giới hiện đại <i>The Contemporary World Economy</i>	3	30	15	0	
15.	BSA6008	Các thị trường và định chế tài chính <i>Markets and financial institutions</i>	3	30	15	0	
16.	FIB6025	Tài chính công <i>Public Finance</i>	3	30	15	0	
17.	INE6210	Quản lý dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	3	30	15	0	
18.	INE6014	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển <i>Foreign Debt of Developing Countries.</i>	3	30	15	0	
19.	PEC6125	Nhà nước thị trường và quản trị quốc tế <i>State market and International management</i>	3	30	15	0	
20.	INE6136	Kinh tế Đông Á <i>East Asian Economy</i>	3	30	15	0	
21.	INE6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế <i>Finance and International Monetary</i>	3	30	15	0	
22.	INE6132	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management in formation system</i>	3	30	15	0	

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Hoạt động nhóm	Tự học	
23.	INE6039	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế <i>Risk management in International business</i>	3	30	15	0	
24.	FIB6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Bank</i>	3	30	15	0	
III	Thực tập thực tế và tốt nghiệp		15				
25.	INE6051	Thực tập thực tế 1 <i>Internship 1</i>	3	0	45	0	
26.	INE6052	Thực tập thực tế 2 <i>Internship 2</i>	3	0	45	0	
27.	INE6053	Đề án tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	9	0	0	135	
		Cộng	65				

Ghi chú: Học phần Tiếng Anh B2 là học phần điều kiện, được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá học phần này không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

3. Ma trận đóng góp của các học phần trong CTĐT với chuẩn đầu ra của CTĐT

Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra											
		<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>	<i>PLO4</i>	<i>PLO5</i>	<i>PLO6</i>	<i>PLO7</i>	<i>PLO8</i>	<i>PLO9</i>	<i>PLO10</i>	<i>PLO11</i>	<i>PLO12</i>
PHI5003	Triết học	3				2	2			2	2		
ENG5002	Tiếng Anh B2		2			2	3	3	4	3	3	3	
INE6037	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn		3	3		3	3	3		3		3	
BSA6022	Quản trị tài chính quốc tế			3	3	3	3				2	2	
INE6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn		3	3		2	3			2	3		
INE6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu			3	4	3	3	3		3		3	
INE6134	Chuỗi cung ứng: Lý thuyết và ứng dụng			3	4	3	3	3		3		3	
INE6135	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng		2	3	4	2	3	3		3		3	
INE6011	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển		3	3		2	3			2	3		
INE6038	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế: Lý thuyết và thực			2	3	3	3	2	3				

Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra											
		<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>	<i>PLO4</i>	<i>PLO5</i>	<i>PLO6</i>	<i>PLO7</i>	<i>PLO8</i>	<i>PLO9</i>	<i>PLO10</i>	<i>PLO11</i>	<i>PLO12</i>
	tiền												
INE6041	Kinh doanh logistics toàn cầu			3	4	3	3	3		3		3	
INE6040	Kinh doanh thương mại quốc tế			3	4	3	3	3		3		3	
INE6128	Toàn cầu hóa và hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam		3	3	3	3	3	3		3		3	
INE6104	Kinh tế thế giới hiện đại		3	3	3	3	3	3		3		3	
BSA6008	Các thị trường và định chế tài chính		2			3	2	2		3	2	2	
FIB6025	Tài chính công		2			3	2	2		3	2	2	
INE6210	Quản lý dự án quốc tế			3	3	3	3				2	2	
INE6014	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển			3	2	3	3	2	3				
PEC6125	Nhà nước thị trường và quản trị quốc tế		2			3	2	2		3	2	2	
INE6136	Kinh tế Đông Á		3	3	3	3	3	3		3		3	
INE6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế			3	3	2	2		2	2	3	2	

Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra											
		<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>	<i>PLO4</i>	<i>PLO5</i>	<i>PLO6</i>	<i>PLO7</i>	<i>PLO8</i>	<i>PLO9</i>	<i>PLO10</i>	<i>PLO11</i>	<i>PLO12</i>
INE6132	Hệ thống thông tin quản lý		3	3	3	3	3				2	2	
INE6039	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế			3	2	3	3	2	3				
FIB6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao		2			3	2	2		3	2	2	
INE6051	Thực tập thực tế 1		2	3	3	2	3	3	2	2			3
INE6052	Thực tập thực tế 2		3	3	2	3	2	3				2	3
INE6053	Đề án tốt nghiệp	3	4			3			3	3	4		3